

TẤM GUỜNG ĐẠO ĐỨC CỦA CHỦ TỊCH TÔN ĐỨC THẮNG

I- Khái quát về cuộc đời và quá trình hoạt động của Chủ tịch Tôn Đức Thắng

Tôn Đức Thắng sinh ra, lớn lên trong một gia đình nông dân khá giả ở Cù lao Ông Hổ, xã Mỹ Hòa Hưng, tổng Định Thành, tỉnh Long Xuyên, nay là thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ Tôn Văn Đê và thân mẫu là cụ Nguyễn Thị Dị đều là những người nông dân hiền lành, cần cù, chịu khó, chất phác. Đồng chí Tôn Đức Thắng là con trai đầu lòng, có một em trai và hai em gái. Truyền thống gia đình, quê hương và thời cuộc tác động mạnh và ảnh hưởng nhiều đến chí hướng, tình cảm và nhân cách anh thanh niên Tôn Đức Thắng. Thời thơ ấu, Tôn Đức Thắng theo học chữ nho, chữ quốc ngữ và chữ Pháp. Bài học làm người, về nhân sinh quan, về tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc của Tôn Đức Thắng được truyền từ người thầy đầu tiên, nhà nho yêu nước Nguyễn Thượng Khách, trong nhóm “Đông Kinh nghĩa thực”.

Năm 1906, Tôn Đức Thắng tốt nghiệp tiểu học, hương chức, hội tề khuyến anh ra làm việc làng, giúp hương chức trong làng làm việc với các quan Tây ở quận, ở tỉnh.

Nhưng với lòng yêu nước, ghét Tây, ghét những kẻ làm tay sai cho Tây, Tôn Đức Thắng đã từ chối, muốn lên Sài Gòn học thêm. Với số tiền 300 đồng bạc Đông Dương (tương đương gần một ngàn giạ lúa thời đó), cùng sức học sẵn có Tôn Đức Thắng thừa khả năng vào học trường Chasseloup Laubat và sau đó học trường đào tạo công chức thuộc địa sẽ đảm bảo cho anh một cương vị “thầy, chú” cao sang, sung sướng vào thời buổi ấy. Khi ở trong làng, Tôn Đức Thắng không chịu làm tay sai cho hương chức, thì làm sao chịu làm tay sai cho bọn thống trị Pháp.

Tôn Đức Thắng đi quan sát, tìm hiểu khá nhiều nơi. Nhờ vậy, anh phân biệt và đánh giá: Sài Gòn có khu sang trọng của người Pháp, khu thương mại náo nhiệt, đa số là người Hoa... Xóm nhà lá của dân nghèo thành thị, đâu đâu cũng thấy người làm thuê, vác mướn. Giới thầy chú, công chức ăn mặc sạch sẽ, làm việc ở công sở, sở tư, nhưng cũng có lúc bị chủ chửi bới rất thô tục. Giới công nhân cũng có nhiều tầng lớp: công nhân kỹ thuật, công nhân có công việc làm, công nhân làm khoán và công nhân thất nghiệp. Sự bất bình đẳng xã hội phơi bày rõ rệt. Chủ Tây là chúa tể nắm quyền sinh sát.

Tôn Đức Thắng là người vốn có tư chất thông minh, đầy khát vọng, tính tự lập cao, tư duy nhạy bén, lễ phép, thương người, có tư chất của người lao động kỹ thuật. Chính những điều kiện đó đã dẫn dắt anh sớm đến với phong trào của

giai cấp công nhân Việt Nam ngay từ những ngày đầu và trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp.

Tôn Đức Thắng không chọn con đường thương mại, cũng không muốn làm công chức, mà chọn con đường làm thợ và là thợ cơ khí, điện. Nghề thợ đối với Tôn Đức Thắng vẫn có một cái gì hấp dẫn hơn tất cả. Tay mình làm ra những thứ rất mới, những vật dụng mà quê hương chưa bao giờ có. Và lại, có nghề đi đâu cũng sống được.

Có nghề đi đâu cũng sống được! Đó là chân lý cuộc đời của Tôn Đức Thắng. Đó cũng là chân lý của cuộc sống hiện tại.

Bắt đầu cuộc đời làm thợ, anh lao ngay vào phong trào yêu nước của thợ thuyền và trở thành hạt nhân lãnh đạo các cuộc đấu tranh bãi khóa của học sinh trường Bách Nghệ, là người tổ chức các cuộc bãi công của công nhân Ba Son (1912). Năm 1915, với trình độ tay nghề giỏi, Tôn Đức Thắng quyết định vào học trường thợ máy Châu Á ở Sài Gòn. Năm 1916, bị động viên trở thành lính thợ làm việc trên chiến hạm France. Ngày 20-4-1919, Tôn Đức Thắng tham gia kéo cờ đỏ phản chiến của hải quân Pháp ở Biển Đen ủng hộ nước Nga Xôviết. Bị trục xuất khỏi nước Pháp, Tôn Đức Thắng trở về Sài Gòn tích cực tham gia hoạt động nghiệp đoàn, xây dựng những cơ sở công hội bí mật tại Sài Gòn - Chợ Lớn và trở thành người lãnh đạo công hội bí mật đầu tiên ở Việt Nam. Năm 1927, Tôn Đức Thắng được kết nạp vào Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, được cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Kỳ Bộ Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn, tham gia vào quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 7 năm 1929, Tôn Đức Thắng bị thực dân Pháp bắt giam ở khám lớn Sài Gòn, sau đó, bị kết án 20 năm khổ sai, và đến đêm ngày 2 rạng ngày 3-7-1930, bị đày ra Côn Đảo. Bị đọa đày trong “địa ngục trần gian” Côn Đảo, đồng chí vẫn giữ vững khí tiết của người cộng sản, kiên trung bất khuất, son sắt giữ trọn niềm tin vào cách mạng. Tại đây, đồng chí đã tham gia thành lập Chi bộ Đảng ở Côn Đảo và là một trong những chi ủy viên đầu tiên.

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, từ Côn Đảo trở về, đồng chí bắt tay ngay vào cuộc chiến đấu mới của đồng bào Nam bộ và nhân dân cả nước chống thực dân Pháp trở lại xâm lược.

Ngày 15-10-1945, đồng chí được bầu vào Xứ ủy Nam kỳ, phụ trách Ủy ban kháng chiến chỉ huy các lực lượng vũ trang Nam bộ. Tháng 12-1945, Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam và các khu 7, 8, 9 ở Nam Bộ được thành lập, đồng chí được giao nhiệm vụ tổ chức hậu cần.

Ngày 6-1-1946, đồng chí được bầu làm đại biểu Quốc hội khóa I. Tháng 2-1946, đồng chí được điều động ra Hà Nội.

Ngày 2-5-1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt) được thành lập, đồng chí được bầu làm Phó Hội trưởng.

Tháng 11-1946, đồng chí được bầu là Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Năm 1948, đồng chí giữ chức Quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng vào tháng 01-1948 bầu bổ sung đồng chí vào Ban Chấp hành Trung ương.

Năm 1950, Hội Việt – Xô hữu nghị được thành lập, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Hội.

Tháng 2-1951, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, đồng chí được bầu vào Ban chấp hành Trung ương.

Tháng 9-1955, đồng chí được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng ban Thường trực Quốc hội.

Ngày 15-7-1960, tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa II, đồng chí được bầu làm Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Hơn hai mươi năm là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và người lãnh đạo Nhà nước, lãnh đạo Mặt trận Dân tộc thống nhất, đồng chí Tôn Đức Thắng đã góp phần cống hiến xứng đáng của mình vào cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc vì độc lập, tự do của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đồng chí Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại kỳ họp đặc biệt của Quốc hội khóa III, tháng 9-1969.

Do những cống hiến to lớn của mình đối với Tổ quốc và nhân dân, năm 1958 đồng chí được Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng Huân chương Sao vàng.

Do cống hiến của đồng chí trên cương vị Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam đối với phong trào hòa bình thế giới, năm 1955 đồng chí được Ủy ban Giải thưởng hòa bình quốc tế Sta-lin của Liên Xô (giải thưởng này sau đó mang tên Lênin) tặng Giải thưởng Sta-lin “Về sự nghiệp củng cố hoà bình và hữu nghị giữa các dân tộc”. Năm 1967, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 50 Cách mạng Tháng Mười, đồng chí được Đoàn chủ tịch Xô viết Tối cao Liên Xô tặng thưởng Huân chương Lênin.

Hiến dâng cả đời mình cho độc lập, tự do của dân tộc và cho lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, Chủ tịch Tôn Đức Thắng là hình ảnh trong sáng của tinh thần bất khuất và đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị.

II- Tấm gương đạo đức của Chủ tịch Tôn Đức Thắng

Tôn Đức Thắng không phải là nhà lý luận, nhà tư tưởng. Tôn Đức Thắng là người thợ, con người hành động, hành động tiên phong. Bằng hành động thực tiễn, Bác Tôn làm cho ta hiểu rõ nhân cách, tình người, đạo làm người... đúng đắn. Giáo sư Trần Văn Giàu đã viết: “... không phải văn chương nào cũng đều phản ánh trung thực con người. Đôi khi người cầm bút sửa sang ngòi bút của mình nhiều đến nỗi xem văn mà thấy con người không còn đồng nhất nữa. Với Bác Tôn, ngôn ngữ của hành động, ngôn ngữ của một chuỗi hành động suốt đời thì không còn có thể làm cho ai hiểu sai mình được”.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đánh giá: “Di sản quý nhất mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho nhân dân là **chất NGƯỜI** Tôn Đức Thắng, sản phẩm tổng hợp của chất hào hiệp Nam bộ, chất kiên cường và tài năng sáng tạo Việt Nam, chất tiên phong của giai cấp công nhân, chất cách mạng của người yêu nước, người cộng sản, chất nhân đạo của con người”

1- Sớm có lòng yêu nước, thương dân và tinh thần đấu tranh cách mạng, suốt đời hy sinh phấn đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân

Được sinh ra và lớn lên trong truyền thống yêu nước và nhân ái của quê hương, gia đình và dân tộc, Tôn Đức Thắng sớm có tư tưởng và hành động yêu nước. Những lời dạy về đạo làm người theo “chữ Thánh hiền” của thầy đồ Nguyễn Thượng Khách, lòng ngưỡng mộ những tấm gương nghĩa hiệp của Trương Định, Thủ Khoa Huân, Nguyễn Trung Trực... sự căm thù các thế lực thực dân xâm lược và bọn bán nước đã thúc giục Tôn Đức Thắng quyết chí ra đi, thâm nhập thực tế xã hội để tìm hiểu và mong đóng góp sức mình đấu tranh vì nước, vì dân.

Gia đình thuộc trung nông khá, với trình độ tốt nghiệp tiểu học trường tỉnh, có thể làm thầy thông, thầy ký. Nhưng Tôn Đức Thắng có chí hướng nghiêng về phía nhân dân lao động, lập nghiệp bằng con đường người thợ, hòa mình vào đời sống của giai cấp công nhân. Đó là một “Phương hướng tốt, hợp thời đại”. Đây là bước ngoặt đầu tiên, kết hợp tư tưởng yêu nước với tư tưởng cách mạng, phù hợp với sự phát triển thế giới nội tâm của một người thanh niên có học, có khát vọng làm những việc có ích cho đất nước, dân tộc và nhân dân. Tôn Đức Thắng đi lại nhiều nơi, làm nhiều nghề, quan sát nhiều đối tượng và nhận ra rằng: nếu có nghề, giỏi nghề thì “ở đâu cũng sống được”; muốn giỏi nghề thì phải học, phải trở thành người có kiến thức chuyên môn, người công nhân trí thức.

Cuộc sống người thợ, sự năng động trong tư duy, nhạy cảm nắm bắt cái mới là nét nổi bật trong tính cách Tôn Đức Thắng. Khi chưa có giác ngộ lập trường giai cấp và chủ nghĩa Mác-Lênin, nhưng đứng trên lập trường của một người yêu nước, hòa nhập và hiểu rõ nỗi đau khổ của người công nhân Việt Nam, Tôn Đức Thắng đã sớm tham gia các cuộc bãi công, bãi khóa của công nhân Ba Son và học sinh trường Bách Nghệ. Hằng ngày trước cuộc sống bất công, Tôn Đức Thắng luôn đứng mũi chịu sào, biết tổ chức, dũng cảm, kiên cường, không khoan nhượng chống lại mọi sự áp bức, cường quyền, sớm bộc lộ phẩm chất quý giá từ thời còn trẻ. Đó là “**chất NGƯỜI Tôn Đức Thắng**”, như Giáo sư Trần Văn Giàu đánh giá là: “khả năng, thiên hướng và tài ba nhiều khi xuất hiện từ tuổi trẻ”.

Sau khi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được Nguyễn Ái Quốc thành lập ở Quảng Châu, Tôn Đức Thắng cùng nhiều thành viên tích cực của Công hội bí mật đã hăng hái gia nhập hội này ở Sài Gòn. Đây là bước ngoặt quan trọng nhất trong cuộc đời của Tôn Đức Thắng, từ đây, đồng chí thật sự hoạt động dưới ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, có cơ hội cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản.

Thời gian bị đọa đày trong địa ngục trần gian Côn Đảo là sự thử thách khốc liệt nhất. Tôn Đức Thắng đã tỏ rõ nghị lực phi thường, chí khí quật cường của người công nhân, bản lĩnh của một chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất, làm tất cả mọi việc có lợi cho Đảng, cho cách mạng để giải phóng dân tộc, tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Phẩm chất và ý chí cách mạng kiên cường, tấm gương đạo đức trong sáng đã làm uy tín và ảnh hưởng của Tôn Đức Thắng không những đối với các đồng chí của mình mà còn cảm hóa được một số tù Quốc dân Đảng và tù thường phạm. Những câu chuyện về nghệ thuật tổ chức và tài cảm hóa của “người cặp rằm Hầm xay lúa” mà các bạn tù của Bác Tôn kể lại còn lưu truyền đến ngày nay và mai sau đã minh chứng cho sự kiên cường, óc sáng tạo và “chất người Tôn Đức Thắng”. Suy nghĩ và hành động của Tôn Đức Thắng làm kẻ thù phải e dè, kính nể, bạn tù kính phục. “Trong hoàn cảnh cực kỳ khốn khổ thì biểu tượng cho tình người, tình đoàn kết chiến đấu thật khó kiếm nhiều người hơn Tôn Đức Thắng” (Giáo sư Trần Văn Giàu).

Năm 1957, Bác Tôn nói chuyện với đoàn đại biểu thanh niên Hà Nội trong dịp kỷ niệm 27 năm Ngày thành lập Đảng: “Tuổi thanh niên là hăng hái. Gặp bất công là đấu tranh ngay. Nhưng đấu tranh mà không có lý tưởng dẫn dắt, thì hoặc là đấu tranh sai, hoặc là đấu tranh không bền bỉ, bỏ dở nửa đường”. “Thanh niên phải vì lý tưởng mà phấn đấu”.

Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, Tôn Đức Thắng tham gia ngay vào cuộc chiến tranh vĩ đại của dân tộc.

Bác Tôn là người con có hiếu với mẹ, là người chồng, người cha có trách nhiệm với gia đình. Song, vừa ở tù Côn Đảo ra, trước yêu cầu của sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, Tôn Đức Thắng chấp hành theo sự điều động của Trung ương ra miền Bắc công tác, chưa nói thỏa lòng với vợ con những điều mong nhớ, chưa thăm hỏi hết lượt bà con anh em. Vì nước gác tình nhà, một nghĩa cử tuyệt vời và cao cả.

Ở những cương vị lãnh đạo quan trọng của Đảng và Nhà nước, mặc dù tuổi cao, Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã phấn đấu không mệt mỏi góp phần cùng với Bác Hồ, Trung ương Đảng, Quốc hội và Mặt trận đưa hai cuộc kháng chiến của dân tộc ta đến thắng lợi vẻ vang. Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã nêu gương cho chúng ta, trước hết là những người cộng sản, tính tổ chức, tính nguyên tắc; dù việc lớn việc nhỏ, nhất thiết tuân thủ quyết định của tổ chức, của tập thể.

Lý tưởng phấn đấu cho sự nghiệp độc lập dân tộc, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động được Chủ tịch Tôn Đức Thắng theo đuổi, thực hiện trọn vẹn trong suốt cả cuộc đời.

Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đồng chí Tôn Đức Thắng là một gương mẫu đạo đức cách mạng; suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân”.

Thông cáo đặc biệt của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam: “Đồng chí đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.

Đồng chí Lê Duẩn: “Cuộc đời của đồng chí là tấm gương phấn đấu không biết mệt mỏi cho sự nghiệp độc lập dân tộc, cho sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản và nhân dân lao động”.

Đồng chí Võ Chí Công: “Bất kỳ ở cương vị công tác nào, mặc dù tuổi cao, Chủ tịch Tôn Đức Thắng luôn nỗ lực phấn đấu quên mình hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó”.

Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh: “Bác Tôn đã sống trọn một đời cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản. Công hiến vô giá của Bác là nêu lên cho thế hệ những người cách mạng của nước ta, cho chúng tôi và lớp trẻ nước ta tấm gương chiến đấu hy sinh và đạo đức trong sáng của một người cộng sản vì Tổ quốc, vì nhân dân”.

“Trên tất cả các cương vị trọng trách của Đảng và Nhà nước, đồng chí đã công hiến kinh nghiệm phong phú, nghị lực sáng tạo của mình cho sự nghiệp độc lập và tự do của Tổ quốc, cho cuộc đấu tranh chống thực dân và đế quốc xâm lược, cho việc xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa phồn vinh trên đất nước Việt Nam” (*Trích điện chia buồn của Ban chấp hành TW Đảng Cộng sản Liên Xô, Đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô*).

2- Phấn đấu vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, luôn yêu thương, kính trọng nhân dân, vì nhân dân mà phục vụ

Từ những cuộc đấu tranh đầu tiên trên con đường cách mạng của mình những năm 1909 - 1912, Tôn Đức Thắng đã hiểu rõ rằng đoàn kết làm nên sức mạnh, “Sức mạnh của cách mạng, của Đảng là ở chỗ có tổ chức, có đoàn kết nhất trí”. Những cuộc đấu tranh sau này trên Biển Đen (4-1919); cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son (8-1925), những cuộc đấu tranh mà Tôn Đức Thắng trực tiếp tham gia hoặc lãnh đạo đạt thắng lợi đều khẳng định chân lý đó.

Trong ngục tù đế quốc, bằng đức độ và uy tín của mình, Tôn Đức Thắng đã đoàn kết được anh em tù nhân, lãnh đạo anh em đấu tranh giành thắng lợi ngay cả trong những điều kiện ngặt nghèo nhất. Cái tên “anh Hai Thắng”; “Già Thắng” trở nên rất đỗi thân thuộc và quý mến với tất cả tù nhân ở Côn Đảo khi đó, kể cả tù thường phạm.

Trong vai trò lãnh đạo Mặt trận, Chủ tịch Tôn Đức Thắng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, trau dồi đạo đức cách mạng để cho “dân yêu, dân tin, dân trọng” nhằm bảo đảm vững chắc khối đại đoàn kết dân tộc. Bác Tôn căn dặn: “Làm tốt công tác Mặt trận là một đảm bảo chắc chắn cho việc phổ cập chính sách của Đảng trong quần chúng, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho quần chúng, tạo nên một khí thế cách mạng mạnh mẽ, một phong trào thi đua yêu nước rộng rãi nhằm đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhịp điệu nhanh, mạnh và vững chắc”.

Bác còn nói rõ: “Hệ địa phương nào, bộ phận công tác nào làm tốt công tác Mặt trận, thì các mặt công tác khác được tiến hành thuận lợi. Ngược lại, nơi nào làm khác thì không tránh khỏi sẽ gặp khó khăn. Bởi vậy, không phải như một số đồng chí hiểu lầm rằng công tác mặt trận do ngành mặt trận chuyên trách, mà trái

lại, toàn Đảng phải chăm lo”.

Lực lượng đoàn kết của nhân dân tạo thành sức mạnh vô địch và Mặt trận Dân tộc thống nhất đạt nhiều thắng lợi. Mặt trận Việt Minh giúp Cách mạng Tháng Tám thành công. Những ngày đầu khi chế độ mới và chính quyền cách mạng còn non trẻ, thù trong, giặc ngoài, giặc đói, giặc dốt uy hiếp... Cách mạng khi đó trong thế “ngàn cân treo sợi tóc”. Đại đoàn kết toàn dân vì nền độc lập của Tổ quốc lúc này là trên hết. Tôn Đức Thắng đã góp phần “đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước và các đồng bào yêu nước vô đảng vô phái, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc, để làm cho nước Việt Nam: độc lập - thống nhất - dân chủ - phú cường!”; tham gia thành lập Mặt trận thống nhất Liên Việt. Trên cơ sở đoàn kết được mọi tầng lớp nhân dân, ta mới có được phong trào thi đua ái quốc sâu rộng, vững mạnh giúp kháng chiến thắng lợi.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng công hiến trọn đời cho tình đoàn kết chiến đấu của giai cấp công nhân quốc tế, vì sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc. Tôn Đức Thắng nắm vững và vận dụng quán triệt tư tưởng đại đoàn kết Hồ Chí Minh, không ngừng mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời làm phong phú thêm tư tưởng đó bằng công hiến của riêng mình.

Bằng tấm lòng chân thành thật sự vì nước vì dân, đặt trách nhiệm phụng sự Tổ quốc lên trên hết, Tôn Đức Thắng đã gây được tình thân ái mật thiết giữa mọi người khiến cho tất cả học tập, noi gương biết giúp đỡ, yêu mến, quý trọng nhau.

Đặt mục tiêu “giành độc lập cho Tổ quốc, dân chủ cho nhân dân, hòa bình cho thế giới”, Tôn Đức Thắng đã quy tụ được cả một “rừng cây đại đoàn kết”. Công hiến của Tôn Đức Thắng là đã làm rõ được “đại đoàn kết là chính sách liên minh giai cấp để kháng chiến”. Vì vậy, những mâu thuẫn quyền lợi giữa các giai cấp đều được giải quyết hợp lý. Tôn Đức Thắng đặc biệt chú trọng đến quyền lợi của đông đảo quần chúng lao động vì họ là nền tảng của Mặt trận Dân tộc thống nhất, là lực lượng chủ yếu của kháng chiến.

Tôn Đức Thắng chủ trương vừa đoàn kết vừa đấu tranh nhằm “ích nước, lợi dân”, vì thống nhất, độc lập, dân chủ, nhưng Bác Tôn không chủ trương kiểu “dĩ hòa vi quý”, mà phải “vừa đoàn kết vừa đấu tranh. Đó là cuộc đấu tranh trong nội bộ Mặt trận một cách có lợi, hợp lý, có chừng mực, để chữa mũi nhọn vào bọn đế quốc xâm lược”.

Tôn Đức Thắng là một cây đại thụ trong rừng cây đại đoàn kết như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Hôm nay, trông thấy rừng cây đại đoàn kết ấy đã nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân, và nó có một cái tương lai “trường xuân bất lão”. Bằng phẩm chất và năng lực của mình, Tôn Đức Thắng thực hiện xuất sắc chính sách đại đoàn kết của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Đảng và Nhà nước Việt Nam đã khẳng định: “Đồng chí là người tiêu biểu nhất cho chính sách đại đoàn kết của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Đồng chí Võ Chí Công: “Chủ tịch Tôn Đức Thắng là hình ảnh tiêu biểu

cho chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Suốt đời hoạt động của mình, Bác Tôn hết lòng chăm lo đoàn kết đồng chí, đoàn kết đồng bào, đoàn kết cả nước trong cuộc chiến đấu chung vì độc lập thống nhất của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội”.

Đồng chí Vũ Oanh: “Bác đã lãnh đạo Mặt trận giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân hoàn thành sứ mệnh lịch sử giao phó “Đánh thắng bọn đế quốc xâm lược và mọi thế lực phản động của thời đại” để hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh... Bác là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân”.

3- Một gương mẫu đạo đức cách mạng: Nhân ái, thủy chung, khoan dung, nhân hậu; suốt đời cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, khiêm tốn, giản dị

Khi còn ở tuổi thanh niên, với tấm lòng yêu nước thương dân, căm thù bọn đế quốc xâm lược, Tôn Đức Thắng đã sớm bộc lộ lòng yêu thương những con người bất hạnh, cùng khổ, thích bênh vực người yếu, chống mọi sự bất công, kể cả việc ra tay trị những kẻ lớn tuổi, ý thế ăn hiếp người khác. Hai Thắng dám bênh cả những bạn học bị đố kỵ người Pháp phạt vô cớ. Tình thương người bao la, được mở rộng và nâng lên cùng nhận thức trong quá trình hoạt động thực tiễn.

Vào đội ngũ những người lao động, đức tính, phong cách công nhân, giản dị, chân thành, trong sáng, thể hiện trong cuộc sống, trong các mối quan hệ, trong mọi hoạt động, giao tiếp và ứng xử của Chủ tịch Tôn Đức Thắng.

Trong ngục tù đế quốc, hình ảnh “người cặm rặng Hàm xay lúa” Tôn Đức Thắng là tấm gương sáng ngời về đức hy sinh, thương yêu những đồng chí anh em cùng cảnh ngộ. Phải sống chung với bọn côn đồ, làm những công việc nặng nhọc nhất, nhưng bằng tư cách đạo đức cách mạng và bằng trái tim nhân ái bao la, Bác Tôn đã kiên trì giáo dục, giác ngộ, đoàn kết toàn thể tù nhân, không phân biệt tù chính trị hay thường phạm, dần dần đã cảm hóa số tù lưu manh. Không khí thương yêu, giúp đỡ nhau đã thay thế bạo lực, thù hận.

Đồng chí Lê Duẩn nhận xét: “Trong tù đầy vô cùng khắc nghiệt, vậy mà Bác Tôn luôn luôn lạc quan, giữ lòng tin tưởng, sống với anh em chân tình, âm ắp”.

Tôn Đức Thắng sống nhân ái, thủy chung, tình nghĩa đối với đồng chí, đồng bào, đối với gia đình. Bác đã mua một tấm nệm mút mang đến tặng một cựu tù Côn Đảo già yếu vào mùa đông giá rét; trích tiền lương giúp đỡ gia đình một cố bộ trưởng nuôi 2 người con ăn học đến ra trường...

Đối với đảng sinh thành, Bác Tôn là người con hiếu thảo. Năm 1952, từ Chiến khu Việt Bắc Bác Tôn gửi thư về cho mẹ trong nỗi nhớ thương day dứt: “... Con rất đôi buồn lo không biết mẹ còn sống với con cháu không? Mẹ đã luống tuổi rồi. Chẳng may mẹ có bề nào mà chẳng được thấy mặt con, và con không thọ được tang cho phải đạo làm con, thì đau đớn biết nhường nào. Giặc còn giày xéo quê hương, con bận lo việc nước chưa tròn, chữ trung chưa trọn,

chữ hiếu cũng chưa xong. Xin mẹ hiếu lòng con, tha lỗi cho con. Ngày đêm con mong sớm đến ngày độc lập, được sớm về quỳ bên chân mẹ, để nhận hết cái lỗi phải xa cha mẹ từ ngày con biết tự bước lên đường đời... Thương nước, thương con chắc mẹ sẵn sàng tha thứ cho con...”. Đạo lý truyền thống sáng ngời hiếu thảo với cha mẹ đọng lại mãi mãi trong bức thư của người con ngót sáu mươi tuổi gửi về thăm mẹ đã trên dưới tám mươi tuổi.

Đối với gia đình, vợ con, Bác Tôn là người chồng, người cha có trách nhiệm, rất mực yêu thương và thủy chung. Bác Tôn gái từng tâm sự với bạn thân: “Tôi với ông gặp nhau mấy mươi năm, nhưng gần nhau có được bao nhiêu ngày. Ông đi như con chim bay không biết mỗi. Tôi với ông như sao Hôm chờ đợi sao Mai. Gặp nhau là lúc ông ở tù, tôi đi thăm. Ra tù nói chuyện với nhau giây lát, nhiều lắm đôi ba ngày, ông lại đi lo việc đại sự quốc gia. Tưởng đâu ông ít nghĩ đến tôi. Đâu phải vậy, càng xa nhau ông càng thương càng nghĩ đến tôi, đậm đà, đậm thắm như tuổi trẻ đầu xanh”. Việc tặng cối xay tiêu cho Bác gái đỡ nhọc nhằn khi nấu ăn đã thể hiện nghĩa tình sâu nặng của Bác Tôn đối với vợ. Và thật xúc động biết bao khi thấy một vị Chủ tịch nước 80 tuổi, ôm hôn vợ thăm thiết như đôi lứa còn xuân xanh, khi Bác Tôn vào thăm Bác gái bệnh nằm ở Quân y viện.

Hồ Chí Minh nói: “Hiếu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa”. Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã lĩnh hội chủ nghĩa Mác-Lênin theo tinh thần nhân văn cao cả đó: thương những người ruột thịt trong gia đình, bà con hàng xóm, thương những người thợ cùng làm, cùng cảnh ngộ, thương đồng bào bị bóc lột, đàn áp; sống chí tình, chí nghĩa với đồng chí bạn bè. Từ tình thương đồng bào, Tôn Đức Thắng vươn đến thương yêu đồng loại và đạt đến chủ nghĩa nhân văn cộng sản cao quý: giải phóng con người.

Ở những cương vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chủ tịch Tôn Đức Thắng hết lòng hết sức tận tụy phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân; vẫn giữ vững những đức tính vốn có của mình, làm nhiều nói ít, ghét sự sang trọng xa hoa. Bác Tôn yêu lao động trí óc và lao động chân tay, lao động trở thành nhu cầu. Những việc tự làm được, Bác không bao giờ muốn phiền hà người khác, ngay cả khi ở vào vị trí quyền lực nhà nước cao nhất. Trong lao động, Bác tổ chức, sắp xếp công việc khoa học, hợp lý, luôn tuân thủ kỷ luật lao động và chế độ công tác.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng là một tấm gương tiết kiệm mẫu mực: tiết kiệm trong tiêu dùng hằng ngày, sinh hoạt gia đình, trong công tác; tiết kiệm tài sản của nhân dân làm ra, được nhân dân cung cấp, giao cho quản lý; tiết kiệm của cải đất nước, đồng thời cũng tiết kiệm cho bạn bè quốc tế. Bác sống liêm khiết, trong sạch, ngay thẳng, chân thành, không tham quyền, cố vị, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên hết.

Sau khi ở tù Côn Đảo về, Bác Tôn được giới thiệu vào Ban Chấp hành Xứ ủy - Đảng bộ Nam bộ trong Hội nghị cán bộ Nam bộ mở rộng. Bác kiên quyết từ chối cho rằng mình mới ở tù ra chưa đảm đương được nhiệm vụ. Nhưng trong Hội nghị có ý kiến đề nghị Bác yên lòng, sau lưng Bác còn có Đảng và nhân dân nên Bác nhận nhiệm vụ và được phân công làm Cố vấn cho Ủy ban nhân dân

Nam bộ. Rất tin tưởng ở đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Bác, Hội nghị thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam và ba Quân khu 7, 8, 9 đã bầu Bác làm Chủ nhiệm hậu cần của Ủy ban kháng chiến miền Nam nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thời kỳ làm Chủ tịch nước, sau khi Bác Tôn gái qua đời, Bác Tôn bảo hai cô con gái ra phố ở, để sau này khi Bác không làm việc nữa thì để trả nhà cho Chính phủ. Một hành động nhỏ nhưng hàm chứa một đạo lý nhân sinh, mục đích sống cao đẹp, mà một người bình thường khi có chức, có quyền dễ gì mấy ai làm được. Trong nhân dân ta vẫn còn sáng mãi hình ảnh một vị Chủ tịch nước cao tuổi về thăm quê với bộ quần áo bạc màu với yêu cầu hết sức hạn chế xe đưa, người đón vì “sợ hao phí tiền của và công sức của Nhà nước và nhân dân”.

Chủ tịch Tôn Đức Thắng sống thật khiêm tốn, bình dị. Ăn những món ăn giản dị như các món ăn của quê nhà; mặc như những người bình thường. Có lần, một cán bộ chuẩn bị vượt Trường Sơn về Nam công tác, trước khi rời Hà Nội, chị đến thăm sức khỏe và chào Bác Tôn, thấy Bác mặc chiếc áo ấm cũ rút ngắn có nối thêm một khúc, chị cảm động hỏi: “Bác ơi, làm Chủ tịch nước sao Bác mặc áo nối thế này?”. Bác vui vẻ trả lời: “Chủ tịch nước mặc áo nối thì dân mới có đủ cơm ăn”. Và thật xúc động biết bao khi vị Chủ tịch nước - vừa lãnh đạo nhân dân đánh thắng kẻ thù mạnh nhất thế giới về thăm quê lại mặc một chiếc quần có mảnh vá. Sự khiêm tốn, giản dị của Bác Tôn đã hàm chứa được cái đẹp, cái trọn vẹn trong đạo đức đời thường.

4- Tình cảm quốc tế trong sáng, cao cả

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của vấn đề đoàn kết quốc tế, Tôn Đức Thắng luôn phấn đấu vì hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc, là một trong những công nhân Việt Nam đầu tiên hoạt động trong phong trào công nhân Pháp và xây dựng mối tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt - Pháp.

Tôn Đức Thắng tham gia cuộc nổi dậy phản chiến của hải quân Pháp ở Biển Đen, là người kéo cờ đỏ trên chiến hạm France chống lại sự can thiệp vũ trang của đế quốc, ủng hộ nước Nga Xô viết, Nhà nước Xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, có ý nghĩa là một biểu tượng của tình đoàn kết quốc tế vô sản, đặt nền móng cho tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Nga. Tôn Đức Thắng đã biết lựa chọn một chỗ đứng chính trị làm vinh dự cho giai cấp công nhân Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam. Bác Tôn viết: “Tôi tin rằng, bất cứ một người Việt Nam yêu nước nào, đặc biệt là công nhân, có mặt trong giờ phút lịch sử đó trên Biển Đen cũng đều hành động như tôi. Bởi vì, yêu Tổ quốc, căm thù bọn đế quốc, thì trước hết có nghĩa là phải yêu mến Cách mạng tháng Mười và căm thù kẻ nào chống lại cuộc Cách mạng ấy”.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho rằng Tôn Đức Thắng “Kéo cờ phản chiến và ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga chống lại sự can thiệp của thực dân Pháp và các nước đế quốc khác. Đó là một hành động mà lúc bấy giờ được xem là hiếm có, hơn thế nữa, là một hành động xuất chúng”.

Cuộc bãi công của công nhân Ba Son tháng 8-1925 do Tôn Đức Thắng

lãnh đạo và chỉ huy, là mốc mở đầu đấu tranh từ tự phát sang tự giác của công nhân Việt Nam, còn là mốc đánh dấu tinh thần đoàn kết quốc tế của công nhân Việt Nam với công nhân và cách mạng Trung Quốc.

Ở nhiều cương vị khác nhau của Đảng, Nhà nước, Bác Tôn đã có những đóng góp lớn lao trong việc xây dựng khối đoàn kết quốc tế, giữ gìn và củng cố hòa bình thế giới. Bác là người Việt Nam đầu tiên được giải thưởng Hòa bình quốc tế Lenin, xứng đáng là một chiến sĩ xuất sắc của phong trào hòa bình thế giới.

Đồng chí Võ Chí Công khẳng định: “Công hiến lớn lao của Chủ tịch Tôn Đức Thắng cho nền độc lập dân tộc và hòa bình thế giới đã được nhân dân thế giới khâm phục và kính mến. Chủ tịch Tôn Đức Thắng là người Việt Nam đầu tiên được Giải thưởng hòa bình quốc tế Lenin, xứng đáng là chiến sĩ xuất sắc của phong trào hòa bình thế giới”.

Điện chia buồn của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô: “Đồng chí Tôn Đức Thắng... người con trung thành của nhân dân Việt Nam, người bạn chiến đấu của đồng chí Hồ Chí Minh, người chiến sĩ quốc tế kiên cường, người bạn lớn của Liên Xô, người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp hòa bình và chủ nghĩa xã hội”.

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô L.I. Brêgionép nhân mạnh: “Nhân dân Liên Xô đánh giá cao và kính trọng sâu sắc đồng chí, người chiến sĩ quốc tế leninít nổi tiếng, người chiến sĩ đấu tranh kiên cường cho sự toàn thắng của những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới... người bạn chân thành và thân thiết từ lâu của đất nước chúng tôi...”.

Báo Nhân dân: “Đồng chí Tôn Đức Thắng là một chiến sĩ quốc tế có uy tín của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tiến bộ trên toàn thế giới - trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam cũng trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, hữu nghị, tiến bộ và phát triển của các dân tộc trên thế giới...”.

Hình ảnh của Tôn Đức Thắng luôn ở trong tâm tưởng của nhân dân yêu chuộng hòa bình và tiến bộ trên thế giới.

Đảng và Nhà nước ta đánh giá cao công hiến của Chủ tịch Tôn Đức Thắng: “Đồng chí đã suốt đời phấn đấu cho sự phát triển tình đoàn kết chiến đấu và tình hữu nghị anh em giữa nhân dân ta với nhân dân Liên Xô, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và phát triển tình hữu nghị với các dân tộc trên thế giới...”.

Trần Văn Giàu: “Cụ Tôn không phải là một nhà lý luận mà là người tiên phong cách mạng, người mà cả cuộc đời dành cho giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng dân tộc... Cụ Tôn khác với những nhân vật khác ở chỗ, Cụ không có một tác phẩm nào cả, có chăng chỉ là chúng ta ghi lại những điều Cụ nói thôi. Tuy nhiên, theo tôi, có thể nói tác phẩm hay nhất của Cụ chính là cuộc đời của Cụ. Cụ Tôn là một người hành động, một người có lẽ không có ý gì muốn để lại

cho đời sau bằng các tác phẩm của mình. Nhưng thực tế Người đã để lại cho đời sau chúng ta rất nhiều “tác phẩm” bằng hành động, bằng việc làm và những lời nói. Đó là những tác phẩm hay hơn nhiều những bài viết”.

III- Học tập tấm gương đạo đức của Chủ tịch Tôn Đức Thắng

1- Sự lựa chọn lý tưởng, ý chí kiên cường bất khuất và trung thành với mục tiêu lý tưởng cách mạng, vì nhân dân phục vụ

Người cộng sản luôn kiên định mục tiêu lý tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân lao động, có tinh thần chiến đấu và sáng tạo trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù, khó khăn thử thách không làm chùn khí phách của người cộng sản.

Học tập Bác Tôn, cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ xác định được mục tiêu lý tưởng cho cuộc đời và sự nghiệp của mình, lựa chọn một cuộc sống có ý nghĩa. Nâng cao tinh thần yêu nước, phấn đấu hết lòng, hết sức vì nước, vì dân, có trách nhiệm trong công việc, luôn đi đầu, làm trước, sẵn sàng gánh vác nhiệm vụ khó khăn nhất, trong những tình huống hiểm nghèo nhất, không an phận, không vì lợi ích của bản thân.

2- Định hướng chọn nghề

Sự chọn lựa con đường đến với người lao động, công nhân của Tôn Đức Thắng là sự lựa chọn đúng đắn, dù lúc bấy giờ chỉ là sự lựa chọn cảm tính, chưa có cơ sở lý luận, với động cơ và mục tiêu của lòng yêu nước, thương dân và giải phóng dân tộc khỏi sự áp bức, bóc lột.

Học tập Bác Tôn, thế hệ đời sau quan niệm đúng đắn về ngành nghề trên tinh thần giai cấp công nhân: con người yêu nước, lao động sáng tạo, phục vụ nhân dân. Chọn ngành nghề là quyết định khi bước vào đời với ý chí, nghị lực, lòng dũng cảm và sự cần cù. Lập nghiệp, chọn nghề phải phù hợp với nhân cách, phù hợp với nhu cầu và sự phát triển của xã hội, đề đạt tới đỉnh cao trí tuệ và đóng góp nhiều nhất cho đất nước.

Có nghề, giỏi nghề thì “ở đâu cũng sống được”. Muốn giỏi nghề thì phải học tập, kết hợp với thực tế kinh nghiệm lao động và sáng tạo.

3- Nêu cao tinh thần đoàn kết

Xây dựng đoàn kết nội bộ, phát huy cao độ trí tuệ tập thể, kết hợp vai trò cá nhân phụ trách, thực hiện công khai và dân chủ. Đoàn kết nội bộ không phải là chỉ thống nhất hành động, thống nhất tư tưởng trong việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng mà còn phải gây tình thân ái mật thiết giữa mọi người, giúp đỡ, yêu thương, quý trọng nhau.

Xây dựng đoàn kết nội bộ không một chiều, tăng bóc nhau mà có đấu tranh thẳng thắn, có lý, có tình, xây dựng, giúp đỡ nhau phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm cùng tiến bộ.

Xây dựng và củng cố đại đoàn kết toàn dân tộc bằng hành động thiết thực trên cơ sở xác định và thực hiện các chủ trương, chính sách, giải quyết thỏa đáng lợi ích của các tầng lớp nhân dân, giải quyết kịp thời những yêu cầu hợp lý của nhân dân. Đồng thời lắng nghe ý kiến, trao đổi bàn bạc dân chủ với nhân dân.

4- Giữ vững phẩm chất, đạo đức và lối sống giản dị, khiêm tốn

Người cán bộ cách mạng từ nhân dân mà ra, được nhân dân nuôi dưỡng trong quá trình thực hiện mục tiêu lý tưởng, dù ở cương vị nào cũng phải gắn bó mật thiết với dân, lắng nghe, chia sẻ gian khổ với dân, phấn đấu xây dựng cuộc sống của nhân dân được giàu đẹp.

Cán bộ lãnh đạo, đảng viên gương mẫu, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, không tham lam, lợi dụng chức quyền vụ lợi, vun vén cá nhân; không xa hoa lãng phí; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, tiêu cực.

Khiêm tốn, giản dị, không nghĩ cho riêng mình; giữ vững tấm lòng thủy chung son sắt với đồng bào, đồng chí; hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.
